

Bản án số: 98/2023/DS-PT

Ngày 15/5/2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Trần Bình Đào

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1B, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Lãng Văn G, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G: Luật sư Bùi Hảo Th - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà T:

1. Ông Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1952 (chồng bà T) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp số 8, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985 (con bà T) (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu chung cư số 44, đường Ng, phường V, Rạch Giá

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1987 (con bà T) (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vàm Răng, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh Nguyễn Trung T3, sinh năm 1990 (con bà T) (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp số 8, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Ông Lăng Văn G - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 nguyên đơn là bà Đặng Thị S trình bày:

Do có sự quen biết với ông Lăng Văn G nên vào ngày 02 tháng 12 năm 2016 (dương lịch) ông G có nhờ bà vay hộ 600.000.000 đồng để làm phân bón, thuốc trừ sâu, lãi suất 2%/ tháng, thỏa thuận thời hạn trả 01 năm, ngày 02 tháng 12 năm 2017 là đến hạn trả tiền.

Ông G có nói là cầm cho bà một căn nhà ở cầu 283, đất mé sông không có bằng khoán để làm tin, nhưng sau đó ông G không có đưa nhà cho bà. Trong thời gian mượn tiền cho đến nay ông G không đóng lãi cho bà, bà điện thoại yêu cầu ông G thanh toán nợ ông G cũng không bắt máy. Đến ngày 25 tháng 02 năm 2022, ông G có điện cho bà thông báo bán nhà và kêu bà lên nhà để trả tiền, bà cũng đã lên nhà nhưng ông lại bịa lý do người mua nhà chưa mang tiền lên trả.

Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lăng Văn G phải trả toàn bộ cho bà số tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2016 đến nay là 60 tháng với lãi suất là 1%/tháng, tổng cộng cả gốc và lãi ông G phải trả cho bà là 960.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lăng Văn G trình bày:

Vào tháng 12 năm 2016 bà S có năn nỉ ông cho bà làm hùn phân bón thuốc bảo vệ thực vật, bà S có vay mượn tiền của bà Phạm Thị T cho ông làm ăn. Lần 1 cộng dồn số tiền 600.000.000 đồng, ông có ký nhận tiền của bà S, lần 2 cộng dồn 620.000.000 đồng, tổng cộng 1.220.000.000 đồng. Tiền có lợi nhuận thì chia đôi với bà S, bà S thì lại chia đôi với bà T. Sau khi đi làm một thời gian ông thấy bà S không trung thực nên ông nói với bà T không làm việc chung với bà S nữa. Phần tiền bà S vay mượn với bà T sang công nợ qua ông vào ngày 15/4/2017, ông đồng ý lãi suất hàng tháng đóng cho bà T 1,5% theo thỏa thuận. Số tiền trên không còn liên quan đến bà S nữa, ông có đề nghị bà S xé giấy ký nhận nợ bà S nói bà S nói xé rồi. Do đó, nay bà S yêu cầu ông thanh toán số tiền còn nợ gốc 600.000.000 đồng, lãi 360.000.000 đồng ông không đồng ý. Ngoài ra, ông cho rằng bà S ghi không thêm dưới dòng chữ biên nhận ông cổ đất cổ nhà ở BS, sự việc này là không có.

Tại phiên tòa, ông xác định chữ ký và chữ viết tên “*Lăng Văn G*” trong biên nhận ngày 02/12/2016 là chữ ký và chữ viết tên do ông ký và viết, còn dòng chữ “*v/v cầm cố đất + nhà ở của Lăng Văn G BS*” do bà S tự ý ghi thêm sau khi ông đã ký biên nhận. Tuy nhiên, ông không yêu cầu giám định đối với dòng chữ “*v/v cầm cố đất + nhà ở của Lăng Văn G BS*” trong Biên nhận ngày 02/12/2016 và ông cũng không yêu cầu gì đối với bà S, trường hợp Tòa án buộc ông trả nợ cho bà S thì ông sẽ kêu bà T khởi kiện bà S trong vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T trình bày:

Vào tháng 12 năm 2016, bà S có xuống nhà bà bàn với bà việc làm chung phân thuốc với ông G, tiền kinh doanh và lãi chia đôi, ông G một nửa, bà với bà S một nửa. Do hai người này không có vốn nên bà đứng vay vốn, mức lãi suất mỗi tháng là 1% hoặc 1,16% hoặc 1,5%. Hay bên cam kết lãi trả hàng tháng, gốc trả dần. Bà có nói với bà S bà không biết ông G là ai, chỉ biết bà S nên bà S phải ký vay nợ với bà, nếu đưa cho ông G thì bắt ông G ký nhận nợ mang giấy nợ về cho bà, bà S thống nhất với yêu cầu của bà. Bà không có thời gian nên lo tiền vốn, còn bà S và ông G thì đi thị trường nhưng suốt thời gian làm chung khoảng 4 tháng bà không nhận được tiền lãi cũng như tiền chia từ khoản kinh doanh chung. Bà thấy không ổn vì số tiền bà giao cho bà S nhiều lần tổng cộng 1.220.000.000 đồng, bà S có ký biên nhận vay nợ. Bà không muốn làm ăn chung nữa nên bà kêu bà S phải thanh toán với ông G để thu lãi và gốc trả lại số tiền bà đã đứng vay.

Sau đó, ông G và bà S lên nhà bà S để làm sổ sách công nợ và mấy hôm sau bà S xuống nhà giao lại số nợ cho ông G trả. ông G đi gom một thời gian mà không được nên nói với bà cho vay tiếp, bà đã bắt ông G ký giấy nợ vào ngày 15/4/2017, ông G phải trả gốc và lãi cho bà. Số nợ này không liên quan gì đến bà S nữa, còn việc giữa bà S và ông G trước và sau khi làm ăn chung có nợ nần gì với nhau không thì bà không biết.

Bà xác định trong khoảng thời gian làm chung từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017 tổng số tiền bà đã đưa là 1.220.000.000 đồng, bà S là người đã ký nhận nợ với bà, bà S không đưa giấy nhận nợ ông G đã ký. Đến ngày 15/4/2017, số nợ 1.220.000.000 đồng đã chuyển sang cho ông G và ông G đã ký giấy nhận nợ. Đến nay ông G vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho bà, nếu sau này ông G không thanh toán thì bà sẽ khởi kiện ông G trong vụ án khác, bà không yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

*** *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với ông Lăng Văn G. Buộc ông G phải thanh toán cho bà S số tiền vốn gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu chục triệu đồng), tổng cộng là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu chục triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 11/11/2022 bị đơn ông Lăng Văn G kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang để xét xử lại theo thủ tục chung do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự trong việc thực hiện quyền của các đương sự và trong xác minh, thu thập chứng cứ chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, Luật sư Th tranh luận cho rằng: Phía chị S trình bày đưa số tiền cho anh G cùng một ngày thông qua các tài xế, còn anh G trình bày số tiền chị S đưa để kinh doanh phân bón đều gửi vào tài khoản nhà máy phân bón, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót khi lời khai của các đương sự có mâu thuẫn cần phải đối chất, nhưng không lấy lời khai, không đối chất và không đưa đại diện Viện kiểm sát tham gia tố tụng để làm rõ chứng cứ bà S khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông G, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Luật sư và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía người kế thừa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo có đơn xin vắng mặt và vắng mặt lần thứ hai.

Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ.

[2] Trong thời gian nghị án, phía bà S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa mở lần hai phía bà S có ý kiến yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về Tòa án huyện xét xử lại, về phía bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không hỏi được ý kiến của bị đơn về việc rút đơn khởi kiện của phía nguyên đơn, do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của bà S.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông G, Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào tờ biên nhận ngày 02/12/2016 do bà S cung cấp và nhận định các chứng cứ bà S vay mượn tiền của bà T sau ngày 02/12/2016 để xét xử buộc ông G trả nợ cho bà S là chưa xem xét toàn diện sự thật khách quan của vụ kiện, vì theo lời khai của ông G và bà T có trong hồ sơ cần phải xác minh, đối chất làm rõ số tiền bà S trình bày giao cho ông G là khoản vay nợ chứ không phải khoản tiền bà T đưa cho bà S hùn làm ăn kinh doanh với ông G. Theo bản tự khai của bà T là không biết ông G là ai và có đưa cho bà S nhiều lần tổng số tiền 1.220.000.000 đồng để hùn làm ăn mua bán phân bón do ông G làm chủ kinh doanh, sau này, do làm ăn không hiệu quả nên bà T yêu cầu lấy lại tiền và các bên đã thỏa thuận chuyển giao số nợ của bà S nợ bà T sang người nợ bà T là ông G, hiện nay các giấy biên nhận nợ của bà S phía bà T đang giữ, ngoài ra phía theo bà S tự khai ngày 16/5/2022 bà S khai do có sự quen biết với gia đình ông G nên vào ngày 02/12/2016 ông G có nhờ tôi vay giùm cho ông 600.000.000 đồng để làm ăn (bút lục 13), Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ số tiền này từ nguồn nào trong khi tại phiên tòa phúc thẩm bà S trình bày là đưa cho các tài xế xe ông G, còn ông G không thừa nhận mà cho rằng bà S chuyển trực tiếp vào tài khoản của nhà máy phân bón, phía bà S viết giấy biên nhận ghi ngày 02/12/2016 đưa ông G ký thể hiện rất nhiều khoản tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ từng khoản tiền ghi giấy biên nhận này để xác minh, số tiền bà S viết biên nhận vay mượn bà T bà S đã trả chưa và có chứng cứ nào chứng minh đã trả chưa, vì theo bà T trình bày là bà S chưa trả và đã chuyển nợ sang cho ông G. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm và trong thời gian nghị án, phía bà S cung cấp thêm nhiều văn bản chứng minh số tiền bà T đưa bà hùn kinh doanh với ông G không có chữ ký của các bên đương sự, mà chỉ có chữ ký xác nhận bản photo từ bản gốc do ông Tr (chồng bà T) ký, xét những chứng cứ mới này là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm cần phải xác minh, thu thập thêm chứng cứ và đối chất để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được.

Trong thảo luận và nghị án, xét tại giai đoạn xét xử phúc thẩm có những chứng cứ mới phát sinh và bà T chết mà người kế thừa không tham gia phiên tòa phúc thẩm, chưa đủ cơ sở chứng cứ để giải quyết vụ án mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư Th về nội dung kháng cáo của ông G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm bên kháng cáo ông G không phải nộp do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ xem xét giải quyết lại tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, phía ông G không phải chịu nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông G là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004184 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Sơn